

Bản án số: **318/2022/HSPT**

Ngày: 15/8/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Trường**

Các thẩm phán: Ông **Phạm Việt Cường**

Ông **Phạm Tồn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Quang Toàn**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Trần Viết Tuấn**, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 162/2022/TLPT-HS ngày 09 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo A-N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”; “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Do có kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc Trúc T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2022/HSST ngày 07/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1832/2022/QĐXXPT-HS ngày 20 tháng 6 năm 2022.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

A-N - Sinh năm 1978 tại tỉnh Gia Lai. Nơi đăng ký NKTT: Làng I, xã B, thành phố P1, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Jrai; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông A N1t, sinh năm 1954 và bà M, sinh năm 1954; có chồng là S (đã chết) và 04 con lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không; bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Phạm Ngọc Q là Luật sư của Công ty TNHH MTV Q1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai; có mặt.

*** Bị hại:**

1. Bà Ngô Thị N2, sinh năm 1976; Trú tại: 227B đường C, phường H1, thành phố P1, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

2. Bà B1, sinh năm 1981; Trú tại: Làng I, xã B, thành phố P1, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

3. Bà AN3, sinh năm 1942; Trú tại: Làng H1, xã H2, huyện Đ1, tỉnh Gia Lai. *Người đại diện theo ủy quyền của bà AN3:* Ông HN, sinh năm 1979; Trú tại: Làng H1, xã H2, huyện Đ1, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

4. Ông R Thuk, sinh năm 1990; Trú tại: Làng JB, xã I1, huyện I2, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

5. Bà RL, sinh năm 1985; Trú tại: Làng JB, xã I1, huyện I2, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Ngọc Q2, sinh năm 1964; Trú tại: 164 đường L, phường TB, thành phố P1, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

2. Bà Nguyễn Ngọc Trúc T, sinh năm 1987; Trú tại: 90/94/6 đường TC, phường P2, thành phố P1, tỉnh Gia Lai. Có mặt

***Người phiên dịch:** Bà Nay HY – phiên dịch tiếng Jrai. Trú tại: Làng TD, xã A, thành phố P1, tỉnh Gia Lai. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền để trả nợ, mua đất đai và tiêu xài cá nhân nên trong thời gian từ tháng 3 năm 2019 đến tháng 9 năm 2020, A-N đã nhiều lần thực hiện các hành vi phạm tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” và “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” chiếm đoạt tiền của nhiều cá nhân như sau:

1. Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt quyền sử dụng đất trị giá 1.687.338.965 đồng của bà B1.

Ngày 27/11/2015, bà B1 ở làng I, xã B, thành phố P1 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) số CA 922367 đối với thửa đất số 21, tờ bản đồ số 46, địa chỉ tại làng Brel (nay là làng I) xã B với diện tích 1.647 m² trong đó có 300 m² đất ở. Bà B1 đã bán 270,4 m² đất trồng cây lâu năm cho Nhà thờ tin lành làng I (do ông H5 ở cùng làng là Chấp sự của Nhà thờ mua, việc mua bán không viết

giấy tờ thể hiện). Ngày 20/12/2015, bà B1 bán thêm 725,9 m² đất trồng cây lâu năm cho ông H6 ở cùng làng. Các lần mua bán này các bên chưa làm thủ tục tách thửa, chưa làm hợp đồng chuyển nhượng và chỉnh lý sang tên theo quy định.

Khoảng tháng 3 năm 2019, A-N đã nhờ bà B1 thế chấp GCNQSDĐ số CA 922367 để vay ngân hàng lấy tiền cho A-N mượn và được bà B1 đồng ý. Do bà B1 đang bị nợ xấu nên ngân hàng không cho vay. A-N nói bà B1 cho A-N mượn GCNQSDĐ của thửa đất số 21 bằng hình thức làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ Bim sang cho A-N để A-N thế chấp vay tiền và được bà B1 đồng ý. Việc thỏa thuận này hai bên không viết giấy tờ, không có người chứng kiến. Sau khi làm thủ tục chuyển nhượng và được chỉnh lý sang tên trên GCNQSDĐ số CA 922367, ngày 17/5/2019, A-N đem thế chấp cho ông Nguyễn Ngọc Q2 (ở 164 đường L, Phường TB, thành phố P1) để vay số tiền 700.000.000 đồng. A-N làm Hợp đồng ủy quyền cho ông Q2 được quyền dùng toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất theo GCNQSDĐ số CA 922367 để quản lý, sử dụng và chuyển nhượng trong thời hạn 01 năm, Hợp đồng này được Văn phòng Công chứng Đ3 (ở số 02 đường L1, phường TS, thành phố P1) chứng thực ngày 17/5/2019. Sau đó, A-N còn nhiều lần vay thêm tiền của ông Q2 với tổng số tiền 1.795.000.000 đồng. Ngày 16/12/2019, A-N viết giấy cam kết hạn ngày 19/12/2019 sẽ trả nợ đầy đủ cho ông Q2, nếu không trả được tiền đã vay thì ông Q2 sẽ thanh lý tài sản mà A-N đã thế chấp để thu hồi vốn. Đến thời hạn cam kết, A-N vẫn không trả tiền cho ông Q2 nên ngày 25/12/2019 ông Q2 đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất của thửa đất số 21 nói trên cho bà Nguyễn Ngọc Trúc T (là con gái ông Q2 ở Tổ 3, phường P2, thành phố P1). Toàn bộ quá trình thế chấp quyền sử dụng đất của thửa đất số 21 cho ông Q2 để vay tiền, làm Hợp đồng ủy quyền và cam kết đồng ý cho ông Q2 chuyển nhượng khi không trả được nợ, A-N đều không nói cho bà B1 biết. Sau khi phát hiện A-N thế chấp GCNQSDĐ số CA922367 cho ông Q2 và đồng ý để ông Q2 chuyển nhượng cho người khác, bà B1 đã nhiều lần yêu cầu A-N phải chuyển lại quyền sử dụng đất cho mình nhưng A-N không thực hiện nên bà B1 đã viết đơn tố cáo hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của A-N. Trong quá trình điều tra, ông Nguyễn Văn T2 là chồng của bà T đã nộp lại GCNQSDĐ số CA922367 để phục vụ quá trình điều tra.

Qua định giá tài sản, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thành phố P1 đã kết luận Quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất đối với thửa đất số 21, tờ bản đồ số 46, diện tích 1.647m² có giá theo giá thị trường là **1.687.338.965 đồng**.

2. Hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức và lừa đảo chiếm đoạt lừa đảo 50.000.000 đồng của

bà Ngô Thị N2.

Khoảng tháng 3 năm 2020, A-N đã nảy sinh ý định thuê người làm giả các GCNQSDĐ rồi sử dụng để thế chấp vay tiền để tiêu xài và trả nợ nên A-N lên mạng Internet liên hệ với 01 người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch, sử dụng số điện thoại 0393.928.540) để thuê người này làm giả 02 GCNQSDĐ. A-N sử dụng điện thoại di động thuê bao số 0373.448.429 của mình để nhắn tin, trao đổi và chụp hình gửi qua zalo hình ảnh GCNQSDĐ số CA 922367 (GCNQSDĐ của bà B1 đã chuyển nhượng qua cho A-N) mà A-N đã photocopy trước khi thế chấp cho ông Q2 và Trích lục bản đồ địa chính của thửa đất số 106, CMND của bà AN3 (là Bác họ của A-N hiện ở làng H1, xã H2, huyện Đak Đoa) (do bà AN3 đang nhờ A-N làm thủ tục để được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 106). Tiền thuê làm giả 02 GCNQSDĐ là 25.000.000 đồng. Sau khi nhận được 02 GCNQSDĐ giả số CA 922367 và số CL 616620, A-N điền thêm ngày tháng cấp và chuyển nhượng trong GCNQSDĐ số CA 922367; điền ngày tháng và sửa năm cấp từ 2020 thành 2019 trong GCNQSDĐ số CL616620.

Ngày 17/4/2020, A-N gọi điện thoại cho bà Lê Thúy H3 ở hẻm 34, đường Đ2, phường TN, thành phố P1, tỉnh Gia Lai hỏi bà H3 có biết ai cho vay tiền dưới hình thức nhận thế chấp GCNQSDĐ hay không và nhờ bà H3 giới thiệu giúp. Bà H3 đã gọi điện thoại hỏi bà Ngô Thị N2 (ở 227B đường C, phường H1, thành phố P1) và được bà N2 đồng ý. Sau đó, bà H3 cùng A-N đến nhà bà N2, A-N dùng GCNQSDĐ giả số CA 922367 mang tên bà B1 đã được chuyển nhượng cho A-N ngày 03/4/2019 để thế chấp vay của bà N2 50.000.000 đồng. Vì tin tưởng GCN QSDĐ này là thật nên bà N2 đã cho A-N vay tiền. A-N viết Giấy mượn tiền, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận. A-N trả được cho bà N2 9.000.000 đồng tiền lãi. Sau khi vay mượn, A-N không trả lãi đầy đủ nên bà N2 nghi GCNQSDĐ mà A-N thế chấp là giả nên đã đến Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai chi nhánh P1 tra cứu thì được thông báo GCNQSDĐ mà A-N thế chấp là giả nên bà N2 đã đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai tố cáo hành vi của A-N và nộp lại GCNQSDĐ giả mà A-N thế chấp. Trong quá trình Cơ quan điều tra thụ lý xác minh, A-N đã trả cho bà N2 số tiền còn lại 41.000.000 đồng.

3. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt quyền sử dụng đất trị giá 2.398.018.000 đồng của bà AN3.

Bà AN3 là Bác họ của A-N có Hộ khẩu thường trú tại làng I, xã B (hiện nay đang ở làng H1, xã H2, huyện Đak Đoa) có thửa đất số 106 tờ bản đồ số 46 địa chỉ làng I, xã B. Thửa đất trên chưa được cấp GCNQSDĐ. Bà AN3 nhờ A-N làm thủ tục để được cấp GCNQSDĐ cho mình. Do A-N thế chấp GCNQSDĐ số CA922367 của bà B1 cho ông Q2 và không trả được tiền vay,

ông Q2 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Ngọc Trúc T với mục đích để giữ tài sản đảm bảo khoản vay của A-N. Bà B1 đã nhiều lần yêu cầu A-N phải trả lại quyền sử dụng đất của mình nhưng A-N không có tiền hay tài sản gì để trả nợ cho ông Q2. Lúc này, A-N nảy sinh ý định chiếm đoạt quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 106 của bà AN3 để thế chấp hoặc bán cho người khác lấy tiền trả cho ông Q2 và yêu cầu ông Q2 chuyển nhượng lại thửa đất số 21 để trả cho bà B1. Thời điểm này, ông Q2 vẫn yêu cầu A-N phải trả tiền gốc và lãi vay, nếu A-N không trả, ông Q2 sẽ bán thửa đất này cho người khác để thu hồi vốn. Do đó, A-N nói dối với ông Q2 thửa đất số 21 có liên quan đến bà con, dòng họ và đề nghị ông Q2 đừng bán. Bác của A-N (bà AN3) đã chia cho bố A-N 01 thửa đất (thửa đất số 106) và A-N đang nhờ người làm thủ tục đề nghị cấp GCNQSDĐ, khi có GCNQSDĐ A-N sẽ thế chấp hoặc bán để lấy tiền trả cho ông Q2, nếu không bán được thửa đất này cho ai thì sẽ chuyển nhượng cho ông Q2 đứng tên làm chủ sử dụng đất để ông Q2 yên tâm. Vì lâu không thấy được cấp giấy chứng nhận nên ông Q2 và A-N thống nhất để ông Q2 tiếp tục làm thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận cho thửa đất này.

Ngày 18/8/2020, UBND thành phố P1, tỉnh Gia Lai đã cấp GCNQSDĐ số CU 676181 đối với đất số 106 cho bà AN3 và ông U (chồng của bà AN3). Do A-N không tìm được người mua đất nên đã thống nhất chuyển nhượng cho ông Q2 đứng tên làm chủ sử dụng đất. Do biết ông U đã chết nên ông Q2 nói với A-N việc phải dẫn bà AN3 và các người con của bà đi làm thủ tục thừa kế thì mới bán hoặc chuyển nhượng được thửa đất này cho người khác. Ngày 07/9/2020, A-N dẫn bà AN3 và 03 người con trai là HN, Rơ Châm Hneo, Hnak đến Văn phòng Công chứng TXH (ở 01 Nguyễn Lương bằng, thành phố P1) làm văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế để một mình bà AN3 đứng tên là chủ sử dụng đất trên GCNQSDĐ số CU 676181.

Đến ngày 09/9/2020, bà AN3 được Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố P1 chỉnh lý thừa kế trên GCN số CU 676181. Cùng ngày, A-N nói dối với bà AN3 là đi làm thủ tục để được cấp GCNQSDĐ nhưng thực tế A-N chở bà AN3 đến Văn phòng công chứng TXH để lặn tay điểm chỉ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của thửa đất số 106 cho ông Q2. A-N nhờ Rơ Châm P (sinh năm 1980, địa chỉ: Làng M2, xã I3, huyện C3) đi làm chứng giúp việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà AN3 và ông Q2. A-N nói với ông Q2 là các con trai của bà AN3 bận đi làm đồng, không cùng đi làm thủ tục chuyển nhượng được nên có con dâu bà AN3 đi thay. Sau khi bà AN3 lặn tay điểm chỉ chuyển nhượng quyền sử dụng đất của thửa đất số 106 cho ông Q2, A-N đã đưa GCNQSDĐ giả số CL 616620 cho bà AN3 để bà AN3 và các con của bà nhằm tương cơ quan có thẩm quyền đã cấp GCNQSDĐ này cho gia đình bà. Ngày 16/9/2020, Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố P1 đã thực hiện chỉnh lý chuyển nhượng quyền sử dụng đất của thửa đất số 106 từ

bà AN3 sang cho ông Q2. Trong quá trình điều tra vụ án, ngày 24/11/2020, ông Nguyễn Ngọc Q2 đã nộp lại Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai GCNQSDĐ số CU676181 để phục vụ quá trình điều tra. Sau khi nghe tin A-N vay nợ nhiều người và có làm GCNQSDĐ giả, anh HN là con trai bà AN3 nghi ngờ đã kiểm tra thấy GCNQSDĐ số CL616620 mà A-N đưa có dấu hiệu giả nên ngày 12/10/2020, anh HN đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai giao nộp.

Qua giám định, Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Gia Lai kết luận GCNQSDĐ số CA 922367 và GCNQSDĐ số CL616620 do bà N2 và anh HN giao nộp là giả.

Qua định giá tài sản, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thành phố P1 đã kết luận Quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất đối với thửa đất số 106, tờ bản đồ số 46, diện tích 564,3m² có giá theo giá thị trường là **2.398.018.000 đồng**.

4. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt 250.000.000 đồng của vợ chồng ông R Thức và bà RL.

Vào tháng 3 năm 2020, vì bị nhiều người đòi nợ nên A-N đã dùng thủ đoạn gian dối điện thoại cho vợ chồng ông R Thức và bà RL (ở làng JB, xã I1, huyện I2, tỉnh Gia Lai) hỏi vay số tiền 250.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, hứa 10 ngày sau sẽ trả đầy đủ gốc và lãi cho vợ chồng Thức. Vì tin tưởng A-N nói thật nên vợ chồng ông Thức đã thế chấp 02 GCNQSDĐ của gia đình cho bà Nguyễn Thị Đ5 (ở TDP 1, thị trấn Ia Kha, huyện I2) vay số tiền 250.000.000 đồng rồi cho A-N vay lại số tiền này. Sau khi nhận 250.000.000 triệu đồng từ vợ chồng R Thức, A-N không sử dụng số tiền này để đáo hạn ngân hàng mà dùng để trả nợ cho một số người khác. Đến hạn trả tiền, vợ chồng ông Thức nhiều lần đòi thì A-N mới trả được cho ông Thức được 103.000.000 đồng trong đó có 63.000.000 đồng tiền mặt và 40.000.000 đồng cầm trả nợ. Ngày 14/4/2021, ông R Thức đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai khai báo việc bị A-N lừa đảo chiếm đoạt tiền. Ông R Thức và bà Nguyễn Thị Đ5 đã giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai các tài liệu giấy tờ liên quan đến việc A-N vay tiền.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2022/HSST ngày 07/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo A-N 12 (Mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo A-N 12 (Mười hai) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

- Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo A-N 02 (Hai) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”

- Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự; buộc bị cáo A-N phải chấp hành hình phạt chung của 03 (Ba) tội là **26 (Hai mươi sáu) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 122, Điều 123, Điều 124, Điều 127, Điều 131, Điều 407, Điều 579, Điều 580, Điều 582, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Xử: Tuyên bố các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà B1 và bị cáo A-N; Hợp đồng ủy quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bị cáo và ông Nguyễn Ngọc Q2; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Q2 với con gái là bà Nguyễn Ngọc Trúc T đối với thửa đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 922367 ngày 27/11/2015 đứng tên của bà B1 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Ngọc Q2 với bà AN3 đối với thửa đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố P1, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU676181 ngày 18/8/2020 đứng tên của bà AN3 và ông U là vô hiệu.

Bà B1 được nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 922367 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 27/11/2015 đứng tên của bà B1. Bà AN3 được nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 676181 do Ủy ban nhân dân thành phố P1, tỉnh Gia Lai cấp ngày 18/8/2020 đứng tên của bà AN3 và ông U. Bà B1 và bà AN3 có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và công bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, bị cáo A-N kháng cáo xin giảm hình phạt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc Trúc T kháng cáo đề nghị tuyên trả lại cho bà GCNQSDĐ số CA922367.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Bị cáo A-N rút lại đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bà Nguyễn Ngọc Trúc T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị tuyên trả lại GCNQSDĐ số CA922367 cho bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị HĐXX chấp nhận việc rút kháng cáo của bị cáo A-N và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo; không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc Trúc truyền đề nghị tuyên trả lại GCNQSDĐ số CA922367 cho bà.

Luật sư bào chữa cho bị cáo A-N đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, xem xét ý kiến của Luật sư và quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo A-N rút lại đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, vì vậy HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Ngọc Trúc T vẫn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu trả lại GCNQSDĐ số CA 922367.

[2] HĐXX thấy rằng: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, liên quan đến việc kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc Trúc T như sau: Giữa bị cáo A-N và bà B1 có mối quan hệ là bạn bè nên bị cáo nói mượn tiền bà B1 để làm nhà, do bà B1 không có tiền nên bị cáo nói bà B1 để bị cáo giúp bà B1 làm thủ tục thế chấp quyền sử dụng đất số CA 922367 vay ngân hàng lấy tiền cho bị cáo mượn, bà B1 đồng ý với bị cáo. Do bà B1 bị nợ xấu không thể vay ngân hàng được nên vào tháng 3/2019, bị cáo đã thỏa thuận với bà B1 cho bị cáo mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà B1 sang cho bị cáo để bị cáo thế chấp ngân hàng vay tiền. Sau khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ bà B1 thì bị cáo đi vay ngân hàng nhưng không được nên bị cáo đem thế chấp cho ông Nguyễn Ngọc Q2 vay tiền, đồng thời bị cáo làm Hợp đồng ủy quyền cho ông Q2 được quyền dùng toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 922367 để quản lý, sử dụng và chuyển nhượng trong thời hạn 01 năm. Do bị cáo không có tiền trả cho ông Q2 theo thỏa thuận của hai bên nên bị cáo đã viết giấy đồng ý cho ông Q2 thanh lý tài sản để thu hồi nợ. Do đó ông Q2 đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà B1 cho con gái là bà Nguyễn Ngọc Trúc T.

[3] Xét kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc Trúc T đề nghị trả lại GCNQSDĐ số CA922367, HĐXX thấy rằng: Đối với tài sản của bị hại là bà B1 là quyền sử dụng đất được Sở Tài nguyên và

Môi trường tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 922367 ngày 27/11/2015 đứng tên người sử dụng đất là bà B1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên bà B1 đã cho bị cáo mượn bằng hình sang tên cho bị cáo để bị cáo vay Ngân hàng. Sau đó bị cáo thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Ngọc Q2 để vay tiền, đồng thời giữa bị cáo và ông Q2 làm Hợp đồng ủy quyền cho ông Q2 được chuyển nhượng quyền sử dụng đất và ông Q2 đã làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên cho con gái là bà Nguyễn Ngọc Trúc T. Tại phiên tòa sơ thẩm, người bị hại là bà B1 yêu cầu bị cáo phải trả lại tài sản cho bị hại. Xét yêu cầu của bà B1 là phù hợp quy định của pháp luật vì bà B1 cho bị cáo mượn quyền sử dụng đất bằng hình thức sang tên cho bị cáo để bị cáo đi vay ngân hàng nhưng thực chất đất bà B1 vẫn đang sử dụng nên việc chuyển nhượng đất giữa bà B1 và bị cáo là Hợp đồng giả tạo theo quy định tại Điều 124 của Bộ luật dân sự nên Hợp đồng này bị vô hiệu theo quy định tại Điều 407 của Bộ luật dân sự. Sau đó bị cáo thế chấp cho ông Q2 để vay tiền đồng thời ủy quyền cho ông Q2 toàn quyền định đoạt đối với quyền sử dụng đất trên là vi phạm điều cấm được quy định tại Điều 123 của Bộ luật dân sự vì bị cáo không phải là chủ thể của thửa đất. Do đó Hợp đồng ủy quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bị cáo và ông Nguyễn Ngọc Q2 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Q2 với con gái là bà Nguyễn Ngọc Trúc T cũng bị vô hiệu. Hiện nay, bà B1 vẫn đang sử dụng thửa đất trên và bà Nguyễn Ngọc Trúc T đã nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Cơ quan Cảnh sát điều tra. Do đó, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm tuyên trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B1; bà B1 có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, là có căn cứ và phù hợp. Tuy nhiên trong vụ án này các bên không có yêu cầu và Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu nêu trên nên bà Nguyễn Ngọc Trúc T thấy quyền lợi bị ảnh hưởng thì có quyền khởi kiện vụ án dân sự độc lập theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[4] Từ những phân tích và lập luận trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án có căn cứ và đúng pháp luật. Kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có cơ sở nên không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Ngọc Trúc Truyền phải chịu án phí phúc thẩm hình sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a, đ khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Ngọc Trúc T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2022/HSST ngày 07/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

2. Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 122, Điều 123, Điều 124, Điều 127, Điều 131, Điều 407, Điều 579, Điều 580, Điều 582, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; tuyên xử:

Tuyên bố các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà B1 và bị cáo A-N; Hợp đồng ủy quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bị cáo A-N và ông Nguyễn Ngọc Q2; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Q2 với con gái là bà Nguyễn Ngọc Trúc T đối với thửa đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 922367 ngày 27/11/2015 đứng tên của bà B1 là vô hiệu. Bà B1 được nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 922367 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 27/11/2015 đứng tên của bà B1. Bà B1 có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo A-N; Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2022/HSST ngày 07/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai có hiệu lực pháp lực đối với bị cáo A-N.

4. Về án phí phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Ngọc Trúc T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

- Bị cáo A-N không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (15/8/2022).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THA dân sự tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam CA tỉnh Gia Lai
(07 bản, để giao cho mỗi bị cáo 01 bản);
- Bị hại (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, các Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường

